|  |  |
| --- | --- |
|  **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**Số: /……./TT-BKHCN | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm 20..* |

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ, hỗ trợ**

*Căn cứ Nghị định số 28/2023/NĐ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 23/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;*

*Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ, hỗ trợ.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 37/2014/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý đề tài nghiên cứu cơ bản do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ.**

1. Khoản 3 Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Tạp chí quốc tế có uy tín là các tạp chí khoa học được lựa chọn từ các danh mục tạp chí của các cơ sở dữ liệu về học thuật thông dụng trên thế giới, được Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt trên cơ sở tư vấn của các Hội đồng khoa học.”

2. Bãi bỏ khoản 4, 5, 6 Điều 2.

3. Khoản 3 Điều 3 được sửa đổi bổ sung như sau:

“3. Nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học theo chuẩn mực quốc tế.”

4. Bãi bỏ khoản 4 Điều 3.

5. Điều 4 được sửa đổi bổ sung như sau:

“Điều 4. Các đề tài được Quỹ tài trợ

Quỹ xem xét tài trợ các đề tài nghiên cứu cơ bản do tổ chức khoa học và công nghệ, cá nhân nhà khoa học đề xuất, bao gồm:

1. Đề tài thăm dò, khám phá: Là đề tài nhằm xây dựng và thiết lập nền tảng nghiên cứu cho các nhà khoa học, nhóm nghiên cứu đang ở giai đoạn đầu của sự nghiệp nghiên cứu khoa học.

2. Đề tài phát triển: Là đề tài hướng tới các mục tiêu lớn và dài hạn, kết hợp giữa nghiên cứu và đào tạo nhân lực nghiên cứu khoa học trình độ cao; nhằm mở rộng các hướng nghiên cứu đã đạt được những kết quả bước đầu, các nghiên cứu chuyên sâu đã được thực hiện ở Việt Nam hoặc tạo đột phá về khoa học và công nghệ.”

6. Bổ sung khoản 3 Điều 5:

“3. Tham dự hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế ở nước ngoài nhằm trình bày các kết quả của đề tài.”

7. Khoản 2 và khoản 4 Điều 6 được sửa đổi bổ sung như sau:

“2. Đánh giá chỉ dựa trên hồ sơ;”

“4. Phù hợp các chuẩn mực quốc tế.”

8. Điều 7 được sửa đổi bổ sung như sau:

“Điều 7. Chuyên gia đánh giá

1. Chuyên gia đánh giá là các nhà khoa học, nhà quản lý được Quỹ mời tư vấn trong các hoạt động đánh giá khoa học và công nghệ liên quan đến các chương trình tài trợ, hỗ trợ của Quỹ. Chuyên gia đánh giá phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau đây:

a) Chuyên gia đánh giá là nhà khoa học phải có kết quả nghiên cứu chuyên môn phù hợp được công bố trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín (đối với lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật), trên tạp chí quốc tế có uy tín hoặc sách chuyên khảo (đối với lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn) trong 05 năm gần nhất Trường hợp đặc biệt do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định;

b) Có điều kiện tham gia công việc tư vấn với trách nhiệm cao, trung thực, khách quan.

2. Chuyên gia đánh giá chịu trách nhiệm về ý kiến tư vấn, đánh giá của mình; giữ bí mật thông tin liên quan công việc tư vấn, đánh giá.

3. Chuyên gia đánh giá không tham gia các hoạt động tư vấn, đánh giá khoa học và công nghệ nếu có quyền, lợi ích hoặc xung đột liên quan hoặc có lý do khác ảnh hưởng đến tính khách quan của kết quả đánh giá.”

9. Điểm a, b Khoản 1 Điều 8 được sửa đổi bổ sung như sau:

“a) Định hướng triển khai nghiên cứu cơ bản do Quỹ tài trợ;

b) Đánh giá khoa học các đề tài nghiên cứu cơ bản do Quỹ tài trợ;”

10. Điểm a Khoản 2 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Tiêu chí như đối với chuyên gia đánh giá quy định tại Khoản 1 Điều 7 Thông tư này;”

10. Điều 9 được sửa đổi bổ sung như sau:

“**Điều 9. Hồ sơ đăng ký thực hiện đề tài**

1. Hằng năm, Quỹ thông báo thông tin về đề tài nghiên cứu cơ bản do Quỹ tài trợ, hướng dẫn về điều kiện, thủ tục có liên quan và thời hạn nộp hồ sơ đăng ký tài trợ trên cổng thông tin điện tử của Quỹ.

2. Hồ sơ đăng ký thực hiện đề tài viết bằng tiếng Việt và tiếng Anh theo mẫu được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm:

a) Đơn đăng ký đề tài (Mẫu NAFOSTED 01, NAFOSTED 01E);

b) Thuyết minh đề tài (Mẫu NAFOSTED 02, NAFOSTED 02E);

c) Lý lịch khoa học của chủ nhiệm đề tài và các thành viên nghiên cứu tham gia đề tài (Mẫu NAFOSTED03, NAFOSTED03E) cùng các tài liệu minh chứng kết quả nghiên cứu, đào tạo nếu cần thiết;

d) Phiếu khai hồ sơ (Mẫu NAFOSTED04);

đ) Tài liệu liên quan khác theo yêu cầu của Quỹ.

4. Hồ sơ hợp lệ là hồ sơ được lập theo các biểu mẫu kèm theo Thông tư này và được nộp trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của Quỹ hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia theo quy định.”

11. Điều 10 được sửa đổi bổ sung như sau:

“**Điều 10. Điều kiện đối với tổ chức, cá nhân thực hiện đề tài**

1. Đối với tổ chức chủ trì đề tài:

a) Các tổ chức khoa học và công nghệ có đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của đề tài;

b) Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của tổ chức chủ trì đối với các đề tài đã được Quỹ tài trợ quy định tại Khoản 1 và không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 20 của Thông tư này.

2. Đối với chủ nhiệm đề tài:

a) Có chuyên môn phù hợp với nội dung nghiên cứu đề tài, đang làm công tác nghiên cứu tại một tổ chức khoa học và công ngh;

b) Có năng lực nghiên cứu đáp ứng yêu cầu của đề tài: Có học vị tiến sỹ; có kết quả nghiên cứu phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của đề tài đăng ký tài trợ được công bố trên tạp chí tạp chí quốc tế có uy tín trong thời gian 05 năm gần nhất tính đến thời điểm Quỹ thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký đề tài;

c) Có đủ thời gian để hoàn thành nội dung nghiên cứu của đề tài theo quy định. Trường hợp chủ nhiệm đề tài đi công tác, làm việc tại nước ngoài, tổng thời gian ở nước ngoài không quá 1/3 thời gian thực hiện đề tài;

d) Đối với đề tài thăm dò, khám phá, Quỹ ưu tiên tài trợ đối với các chủ nhiệm đề tài dưới 40 tuổi hoặc lần đầu thực hiện đề tài do Quỹ tài trợ.

3. Thành viên tham gia đề tài phải có trình độ chuyên môn và kỹ năng phù hợp với nội dung nghiên cứu của đề tài, cụ thể:

a) Thành viên chính, thư ký khoa học: Có học vị tiến sỹ và có kết quả nghiên cứu phù hợp với nội dung đề tài được công bố trên tạp chí khoa học trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm Quỹ thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký đề tài;

b) Thành viên: Có học vị thạc sĩ trở lên, có kết quả nghiên cứu phù hợp với nội dung đề tài. Nghiên cứu sinh của đề tài cần có nội dung luận án phù hợp với đề tài.

c) Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ.

4. Chủ nhiệm đề tài, thành viên tham gia đề tài không vi phạm các điều kiện đăng ký chủ trì, tham gia đề tài theo quy định tại Khoản 5, Khoản 6 Điều 19 Thông tư này.

5. Đối với đề tài phát triển, ngoài các yêu cầu quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Điều này, phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Chủ nhiệm đề tài là tác giả chính của ít nhất 01 công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín thuộc nhóm Q1 trong thời gian 05 năm gần nhất tính đến thời điểm Quỹ thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký đề tài, có khả năng tập hợp được nhiều nhà khoa học có trình độ chuyên môn cao tham gia thực hiện đề tài, duy trì được hợp tác nghiên cứu khoa học thường xuyên với các nhóm nghiên cứu quốc tế cùng ngành, liên ngành;

b) Có ít nhất 02 thành viên chính của đề tài đáp ứng yêu cầu của chủ nhiệm đề tài nêu tại Khoản 2 Điều này;

c) Tổ chức chủ trì đề tài có đủ điều kiện về cơ sở vật chất - kỹ thuật, năng lực nghiên cứu và cam kết hỗ trợ trong thời gian thực hiện nghiên cứu.

6. Tại cùng một thời điểm, mỗi cá nhân được làm chủ nhiệm không quá 01 (một) đề tài do Quỹ tài trợ hoặc đề tài cấp quốc gia và tương đương khác. Trường hợp đặc biệt (cần đảm nhiệm thêm vai trò chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất có ý nghĩa quan trọng về khoa học và thực tiễn) , do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.”

12. Điều 11 được sửa đổi bổ sung như sau:

“**Điều 11. Yêu cầu về thời gian thực hiện và kết quả nghiên cứu của đề tài**

1. Thời gian thực hiện đề tài

a) Thời gian thực hiện đề tài bao gồm thời gian đăng ký thực hiện đề tài và thời gian gia hạn thực hiện đề tài nếu có.

b) Đối với đề tài thăm dò, khám phá, thời gian đăng ký thực hiện đề tài không quá 36 tháng. Đối với đề tài phát triển thời gian đăng ký thực hiện đề tài từ 36 tháng đến 60 tháng và tương ứng với mục tiêu, các nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của đề tài.

2. Kết quả nghiên cứu của đề tài thăm dò, khám phá phải có ít nhất 02 bài báo được đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín thuộc Danh mục do Quỹ ban hành gần nhất trước thời điểm gửi đăng.

Chủ nhiệm đề tài thăm dò, khám phá là tác giả chính của ít nhất 01 bài báo công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín là kết quả của đề tài.

3. Kết quả nghiên cứu của đề tài phát triển phải có ít nhất 02 bài báo được đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín thuộc nhóm Q1 trong Danh mục do Quỹ ban hành gần nhất trước thời điểm gửi đăng và hỗ trợ đào tạo ít nhất 01 nghiên cứu sinh.

Chủ nhiệm đề tài, các thành viên chính của đề tài phát triển là tác giả chính của ít nhất 01 bài báo công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín là kết quả của đề tài. Nghiên cứu sinh của đề tài phát triển là tác giả của ít nhất một bài báo công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín là kết quả của đề tài.

5. Các sản phẩm công bố của đề tài phải ghi nhận tài trợ của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia, tuân thủ các quy định về liêm chính học thuật và đạo đức nghiên cứu. Trường hợp sản phẩm công bố của đề tài ghi nhận tài trợ của các tổ chức khác ngoài Quỹ cần có giải thích chi tiết, cụ thể, rõ ràng và cung cấp đầy đủ minh chứng liên quan phục vụ đánh giá đề tài và nhóm nghiên cứu.”

13. Điều 12 được sửa đổi bổ sung như sau:

“**Điều 12. Phương thức, tiêu chí đánh giá xét chọn đề tài**

1. Quỹ thực hiện việc đánh giá xét chọn đề tài thông qua Hội đồng khoa học quy định tại Điều 8 của Thông tư này và chuyên gia đánh giá phản biện độc lập ngoài Hội đồng.

2. Tiêu chí đánh giá xét chọn đề tài:

a) Tầm quan trọng, ý nghĩa, sự cần thiết của đề tài và sự phù hợp với loại hình đề tài nghiên cứu cơ bản được Quỹ tài trợ;

b) Tính mới, tính sáng tạo của đề tài;

c) Mức độ rõ ràng, khoa học của mục tiêu đề tài; sự phù hợp của nội dung, phương pháp và kế hoạch nghiên cứu để đạt được mục tiêu đề tài;

d) Năng lực, kinh nghiệm nghiên cứu của chủ nhiệm đề tài và nhóm nghiên cứu; năng lực, kinh nghiệm quản lý, tổ chức thực hiện đề tài và điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật của tổ chức chủ trì phục vụ nghiên cứu;

đ) Kết quả dự kiến; khả năng thành công của đề tài;

e) Đóng góp đào tạo sau đại học;

g) Dự toán kinh phí nghiên cứu hợp lý.

3. Phương thức làm việc của Hội đồng khoa học tại các phiên họp đánh giá xét chọn đề tài do Hội đồng quản lý Quỹ quy định.”

14. Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 13. Thẩm định, phê duyệt và công bố danh mục đề tài được tài trợ**

1. Cơ quan điều hành Quỹ tổ chức thẩm định nội dung thuyết minh đề cương và dự toán kinh phí của đề tài được Hội đồng khoa học đề nghị tài trợ theo quy định của Quỹ; lập báo cáo tổng hợp kết quả đánh giá xét chọn đề tài, nhận xét về sự phù hợp của quá trình đánh giá xét chọn, kết quả thẩm định và trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

2. Căn cứ báo cáo của Cơ quan điều hành Quỹ về kết quả đánh giá xét chọn, thẩm định đề tài và khả năng tài chính của Quỹ, Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định phê duyệt danh mục các đề tài cùng kinh phí được Quỹ tài trợ. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ lấy thêm ý kiến của chuyên gia đánh giá độc lập trước khi quyết định.

3. Trong thời gian 06 tháng kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ, Quỹ công bố danh mục các đề tài được tài trợ trên Cổng thông tin điện tử.”

15. Bãi bỏ điều 14.

16. Khoản 1 Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Cơ quan điều hành Quỹ gửi Thông báo tài trợ, hướng dẫn các thủ tục cần thiết đến tổ chức, cá nhân được nhận tài trợ để hoàn thiện thuyết minh đề tài theo nội dung và kinh phí được phê duyệt; tiến hành trao đổi, thống nhất, ký hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (sau đây gọi là hợp đồng) với chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì theo danh mục kinh phí đã được Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt (Mẫu NAFOSTED 05) quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan điều hành Quỹ tổ chức kiểm tra thực tế đối với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài trước khi ký kết hợp đồng.”

17. Điều 16 được sửa đổi bổ sung như sau:

“**Điều 16. Báo cáo và kiểm tra định kỳ**

1. Căn cứ tiến độ, nội dung nghiên cứu ghi trong hợp đồng, chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì lập Báo cáo định kỳ tình hình thực hiện đề tài, tình hình sử dụng kinh phí của đề tài theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này (Mẫu NAFOSTED06, Mẫu NAFOSTED07), gửi Cơ quan điều hành Quỹ theo quy định.

2. Giám đốc Cơ quan điều hành Quỹ thành lập Hội đồng đánh giá định kỳ để đánh giá về tiến độ, kết quả thực hiện và tình hình sử dụng kinh phí của đề tài thông qua Báo cáo định kỳ tình hình thực hiện đề tài. Thành phần, phương thức làm việc của Hội đồng đánh giá định kỳ do Hội đồng quản lý Quỹ quy định.

Trong trường hợp đề tài chậm tiến độ hoặc các trường hợp cần thiết khác, Quỹ tổ chức kiểm tra thực tế tình hình thực hiện đề tài. Kết quả kiểm tra được ghi nhận bằng biên bản có xác nhận của các bên liên quan.

3. Kết quả đánh giá định kỳ và kết quả kiểm tra thực tế tình hình thực hiện đề tài (nếu có) được thông báo tới chủ nhiệm đề tài và là căn cứ để quyết định việc tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Đối với đề tài vi phạm các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, Quỹ xem xét mức độ vi phạm để xử lý theo quy định hiện hành.”

18. Bổ sung Điều 16a:

“**Điều 16a. Điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện đề tài**

Điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện đề tài áp dụng thực hiện theo quy định tại Điều 14 đến Điều 22 Thông tư số 15/2016/TT-BKHCN ngày 30/06/2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý đề tài nghiên cứu ứng dụng do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có). Trường hợp thay đổi tổ chức chủ trì đề tài hoặc chủ nhiệm đề tài, tổ chức chủ trì đề tài và chủ nhiệm đề tài được thay thế phải đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 10 Thông tư này.”

19. Điều 17 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 17. Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề tài

1. Hồ sơ kết quả thực hiện đề tài bao gồm:

a) Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề tài theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này (Mẫu NAFOSTED08);

b) Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí đề tài (Mẫu NAFOSTED07);

c) Phụ lục về kết quả công bố và các kết quả khác của đề tài có minh chứng kèm theo.

2. Chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì có trách nhiệm xây dựng và gửi hồ sơ kết quả thực hiện đề tài tới Quỹ trong thời hạn 30 ngày sau khi kết thúc thời gian thực hiện đề tài.”

20. Khoản 3 Điều 18 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Tiêu chí đánh giá kết quả đề tài:

a) Tổ chức thực hiện và việc sử dụng kinh phí đề tài;

b) Các kết quả khoa học đạt được trong thời gian thực hiện đề tài được thể hiện trong báo cáo tổng hợp của đề tài;

c) Kết quả công bố trong thời gian thực hiện đề tài: Bài báo đã được các tạp chí quốc tế có uy tín, tạp chí khoa học khác công bố (trực tuyến hoặc in ấn); Bài báo đã nộp đăng trên các tạp chí quốc tế có uy tín, được tạp chí tiếp nhận và gửi xin ý kiến phản biện; báo cáo khoa học trình bày tại hội nghị, hội thảo khoa học; sách chuyên khảo; bằng độc quyền sáng chế/ bằng bảo hộ giống cây trồng; bằng độc quyền giải pháp hữu ích;

d) Đào tạo sau đại học, hỗ trợ nhà khoa học trẻ, hợp tác phát triển nhóm nghiên cứu.

e) Mức độ thành công của đề tài khi so sánh kết quả đạt được với mục tiêu nghiên cứu và kết quả dự kiến đề ra trong thuyết minh.”

21. Khoản 5 Điều 19 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“5. Đề tài được đánh giá ở mức không đạt hoặc bị đình chỉ hợp đồng thì được xử lý theo quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ đối với trường hợp nhiệm vụ không hoàn thành. Hội đồng quản lý Quỹ giao Cơ quan điều hành Quỹ thành lập Hội đồng để kiểm tra, xác định nguyên nhân dẫn đến việc không hoàn thành nhiệm vụ. Căn cứ kết quả kiểm tra, Cơ quan điều hành Quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt phương án xử lý.

Trường hợp đề tài không đạt, chủ nhiệm đề tài không được đăng ký chủ trì nghiên cứu đề tài mới trong thời gian 02 năm kể từ ngày thông báo kết quả.

Trường hợp có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc vi phạm đạo đức khoa học, chủ nhiệm đề tài và những người liên quan không được tham gia đề tài do Quỹ tài trợ trong thời gian 05 năm kể từ ngày có quyết định xử lý vi phạm.”

22. Bổ sung Điều 19a:

“**Điều 19a. Quản lý tài sản hình thành của đề tài**

Tài sản hình thành trong quá trình thực hiện đề tài sử dụng nguồn kinh phí tài trợ của Quỹ được quản lý, xử lý theo quy định hiện hành.”

23. Bổ sung điều 9b:

“**Điều 19b. Trách nhiệm của Quỹ**

Quỹ có trách nhiệm tổ chức đánh giá xét chọn đề tài; tổ chức thực hiện đề tài; đánh giá nghiệm thu, thanh lý đề tài; quản lý, theo dõi việc sử dụng kết quả nghiên cứu của các đề tài và các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.”

24. Sửa đổi bổ sung điểm c, khoản 1 Điều 20 như sau:

“c) Tiếp nhận, quản lý sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí được Quỹ tài trợ theo đúng quy định; xác nhận tiến độ thực hiện và tình hình sử dụng kinh phí đề tài, đảm bảo hồ sơ chứng từ trước Quỹ và các cơ quan chức năng của Nhà nước;”

25. Bổ sung điểm l khoản 1 Điều 20:

“l) Kiểm tra, giám sát để đảm bảo liêm chính học thuật (research intergrity) và đạo đức khoa học (research ethics) trong quá trình thực hiện đề tài.”

26. Sửa đổi bổ sung khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 21 như sau:

“1. Tổ chức triển khai đề tài theo hợp đồng đã được ký kết và các điều chỉnh được phê duyệt theo quy định.

2. Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ, có hiệu quả theo nội dung của hợp đồng và các điều chỉnh được phê duyệt theo quy định; thực hiện thanh, quyết toán kinh phí của đề tài theo đúng các quy định hiện hành.”

“5. Chủ nhiệm đề tài và các thành viên nghiên cứu chịu trách nhiệm về nội dung công bố kết quả nghiên cứu của đề tài theo pháp luật về khoa học và công nghệ, xuất bản, sở hữu trí tuệ, đảm bảo liêm chính học thuật và đạo đức nghiên cứu và các quy định khác của pháp luật Việt Nam;”

27. Bổ sung khoản 6 Điều 21 như sau:

“6. Giới thiệu công khai trong tổ chức chủ trì các thông tin cập nhật về đề tài được Quỹ tài trợ, gồm tên đề tài, tổng kinh phí, thời gian thực hiện, chủ nhiệm và các thành viên đề tài, các kết quả nghiên cứu của đề tài trong suốt thời gian thực hiện đề tài (Mẫu NAFOSTED 10).”

28. Thay thế các Biểu mẫu NCCB01, NCCB01E, NCCB02, NCCB02E, NCCB05, NCCB06, NCCB07, NCCB08 quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 37/2014/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Khoa học và Công nghệ bằng các Biểu mẫu ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

**Điều 2. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 40/2014/TT-BKHCN ngày 18 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất có ý nghĩa quan trọng về khoa học và thực tiễn, nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ**

1. Sửa đổi Khoản 2, 3 và bổ sung Khoản 4 Điều 2 như sau:

“2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng (sau đây gọi là đề tài tiềm năng) là đề tài khoa học và công nghệ có tính ứng dụng cao và tạo ra vật liệu, sản phẩm hoặc thiết bị mới, thiết lập quy trình, hệ thống và dịch vụ mới hoặc cải tiến đáng kể các sản phẩm và hệ thống đã có.

3. Tạp chí quốc tế có uy tín là các tạp chí được xác định theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ về quản lý đề tài nghiên cứu cơ bản do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ.

4. Sản phẩm công nghệ mới ở dạng mẫu: vật liệu, sản phẩm hoặc thiết bị mới, quy trình, hệ thống và dịch vụ mới có thể dùng để làm mẫu để sản xuất hay ứng dụng vào sản xuất.”

2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 3:

“2. Sản phẩm của đề tài

a) Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu của đề tài bao gồm giải pháp khoa học và công nghệ với đầy đủ luận cứ khoa học và thực tiễn để giải quyết vấn đề đặt ra.

b) Công bố khoa học dưới hình thức sau: Bài báo công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín hoặc bài báo công bố trên tạp chí quốc gia, quốc tế khác hoặc bằng độc quyền sáng chế hoặc bằng bảo hộ giống cây trồng hoặc bằng độc quyền giải pháp hữu ích.

Trường hợp chưa được cấp bằng độc quyền sáng chế/bằng bảo hộ giống cây trồng thì phải có thông báo chấp nhận đơn và minh chứng về việc tiếp nhận yêu cầu thẩm định nội dung của cơ quan có thẩm quyền cấp bằng độc quyền sáng chế/bằng bảo hộ giống cây trồng.

Chủ nhiệm đề tài là tác giả chính, thành viên chính của đề tài là tác giả chính hoặc đồng tác giả của các công bố khoa học của đề tài.

c) Các sản phẩm công bố của đề tài phải ghi nhận tài trợ của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia, tuân thủ các quy định về liêm chính học thuật và đạo đức nghiên cứu. Trường hợp sản phẩm công bố của đề tài ghi nhận tài trợ của các tổ chức khác ngoài Quỹ cần có giải thích chi tiết, cụ thể, rõ ràng và cung cấp đầy đủ minh chứng liên quan phục vụ đánh giá đề tài và nhóm nghiên cứu.”

3. Điều 4 được sửa đổi bổ sung như sau:

“**Điều 4. Yêu cầu đối với đề tài tiềm năng**

1. Đề tài tiềm năng do tổ chức, cá nhân đề xuất với Quỹ phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Có tính đột phá, tiên phong, khi được nghiên cứu thành công có khả năng tạo ra sản phẩm công nghệ mới ở dạng mẫu; có địa chỉ ứng dụng cho các kết quả chính tạo ra khi đề tài được hoàn thành;

b) Thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên được Quỹ tài trợ thông qua đề tài tiềm năng;

c) Thời gian thực hiện đề tài không quá 60 tháng (bao gồm thời gian gia hạn).

2. Sản phẩm của đề tài

a) Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu của đề tài bao gồm giải pháp khoa học và công nghệ với đầy đủ luận cứ khoa học và thực tiễn để giải quyết vấn đề đặt ra, sản phẩm công nghệ mới ở dạng mẫu.

b) Công bố khoa học dưới hình thức sau: bài báo quốc tế có uy tín hoặc bằng độc quyền sáng chế hoặc bằng bảo hộ giống cây trồng.

Trường hợp chưa được cấp bằng độc quyền sáng chế/bằng bảo hộ giống cây trồng thì phải có thông báo chấp nhận đơn và minh chứng về việc tiếp nhận yêu cầu thẩm định nội dung của cơ quan có thẩm quyền cấp bằng độc quyền sáng chế/bằng bảo hộ giống cây trồng.

Chủ nhiệm đề tài là tác giả chính, thành viên chính của đề tài là tác giả chính hoặc đồng tác giả của các công bố khoa học của đề tài.

c) Các sản phẩm công bố của đề tài phải ghi nhận tài trợ của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia, tuân thủ các quy định về liêm chính học thuật và đạo đức nghiên cứu. Trường hợp sản phẩm công bố của đề tài ghi nhận tài trợ của các tổ chức khác ngoài Quỹ cần có giải thích chi tiết, cụ thể, rõ ràng và cung cấp đầy đủ minh chứng liên quan phục vụ đánh giá đề tài và nhóm nghiên cứu.”

4. Khoản 1 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Đánh giá bởi Hội đồng khoa học và công nghệ (sau đây gọi là Hội đồng khoa học) và chuyên gia tư vấn độc lập (gồm chuyên gia phản biện).”

5. Bổ sung Điều 5a:

“**Điều 5a. Chuyên gia đánh giá**

1. Chuyên gia đánh giá là các nhà khoa học, nhà quản lý được Quỹ mời tư vấn trong các hoạt động đánh giá khoa học và công nghệ liên quan đến các chương trình tài trợ, hỗ trợ của Quỹ. Chuyên gia đánh giá phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau đây:

a) Chuyên gia đánh giá là nhà khoa học phải có kết quả nghiên cứu chuyên môn phù hợp được công bố trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín (đối với lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật), trên tạp chí quốc tế có uy tín hoặc sách chuyên khảo (đối với lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn) trong 05 năm gần nhất. Chuyên gia đánh giá là nhà quản lý phải hoạt động trong lĩnh vực hoặc làm việc/công tác liên quan đến vấn đề nghiên cứu, có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm công tác quản lý. Trường hợp đặc biệt do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định;

b) Có điều kiện tham gia công việc tư vấn với trách nhiệm cao, trung thực, khách quan.

2. Chuyên gia đánh giá chịu trách nhiệm về ý kiến tư vấn, đánh giá của mình; giữ bí mật thông tin liên quan công việc tư vấn, đánh giá.

3. Chuyên gia đánh giá không tham gia các hoạt động tư vấn, đánh giá khoa học và công nghệ nếu có quyền, lợi ích hoặc xung đột liên quan hoặc có lý do khác ảnh hưởng đến tính khách quan của kết quả đánh giá.”

6. Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 6. Hội đồng khoa học**

1. Hội đồng khoa học do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ để tư vấn cho Quỹ về các vấn đề sau đây:

a) Định hướng hoạt động tài trợ của Quỹ đối với đề tài đột xuất và đề tài tiềm năng;

b) Đánh giá khoa học;

c) Các vấn đề khác liên quan đến hoạt động của Quỹ.

2. Hội đồng khoa học bao gồm các thành viên là các nhà khoa học, nhà quản lý. Thành viên Hội đồng khoa học được lựa chọn theo các tiêu chí sau đây:

a) Đáp ứng các tiêu chí như đối với chuyên gia đánh giá quy định tại Khoản 1 Điều 5a Thông tư này;

b) Được các nhà khoa học, nhà quản lý trong cùng lĩnh vực chuyên môn tín nhiệm giới thiệu;

c) Có cam kết tham gia và thực hiện các quy định của Quỹ.

3. Hội đồng quản lý Quỹ quy định cụ thể về quy chế hoạt động của Hội đồng khoa học”

7. Khoản 2 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Kinh phí chi cho các hoạt động quản lý đề tài được chi từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ cấp cho Quỹ hằng năm và các nguồn kinh phí khác (nếu có).”

8. Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 8. Hồ sơ đăng ký thực hiện đề tài**

1. Hằng năm, Quỹ công bố lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên được Quỹ tài trợ thông qua đề tài tiềm năng; các vấn đề mới phát sinh, cần giải quyết thông qua các đề tài đột xuất (được Quỹ tập hợp từ các Bộ và các cơ quan tương đương); thông báo tiếp nhận hồ sơ và hướng dẫn về điều kiện, thủ tục có liên quan, thời hạn và phương thức nộp hồ sơ đăng ký thực hiện đề tài trên cổng thông tin điện tử của Quỹ.

2. Hồ sơ đăng ký thực hiện đề tài theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm:

a) Đơn đăng ký đề tài (NAFOSTED01);

b) Thuyết minh đề tài (Mẫu NAFOSTED02);

c) Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm đề tài (cùng các tài liệu chứng minh thành tích theo yêu cầu tại Khoản 2 Điều 9 Thông tư này) và các cá nhân đăng ký thực hiện đề tài (NAFOSTED03);

d) Phiếu khai hồ sơ: Mẫu NAFOSTED04;

e) Tài liệu khác liên quan đến đề tài (nếu có).

2. Hồ sơ hợp lệ là hồ sơ được lập theo các biểu mẫu kèm theo Thông tư này và được nộp trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của Quỹ hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia.”

9. Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 9. Điều kiện của tổ chức, cá nhân đăng ký thực hiện đề tài**

1. Đối với tổ chức đăng ký chủ trì đề tài:

a) Có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của đề tài;

b) Có điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật phù hợp để triển khai thực hiện đề tài;

c) Không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 19 của Thông tư này.

2. Đối với cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm đề tài:

a) Là người đề xuất và chủ trì xây dựng thuyết minh đề tài;

b) Có học vị tiến sĩ và đang hoạt động trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với nội dung nghiên cứu của đề tài, đang làm việc tại tổ chức đăng kí chủ trì đề tài;

c) Có khả năng tổ chức thực hiện và bảo đảm thời gian để chủ trì đề tài;

d) Không bị hạn chế quyền công dân theo quy định của pháp luật Việt Nam;

đ) Không vi phạm các điều kiện đăng ký chủ trì đề tài theo quy định tại Khoản 4 Điều 18 Thông tư này;

e) Là tác giả chính của công trình công bố trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín hoặc là tác giả sáng chế, giống cây trồng được cấp văn bằng bảo hộ có nội dung phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của đề tài đăng ký trong thời gian 05 năm gần nhất.

3. Điều kiện đối với thành viên chính, thư ký khoa học; thành viên; kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ khác của đề tài được áp dụng theo Thông tư của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý đề tài nghiên cứu ứng dụng do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ.

4. Tại cùng một thời điểm, mỗi cá nhân được làm chủ nhiệm không quá 01 (một) đề tài do Quỹ tài trợ hoặc đề tài cấp quốc gia và tương đương khác. Trường hợp đặc biệt (cần đảm nhiệm thêm vai trò chủ nhiệm nhiệm vụ đột xuất), do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.”

10. Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 10. Tiêu chí đánh giá xét chọn đề tài**

1. Sự cần thiết của vấn đề nghiên cứu và sự phù hợp với yêu cầu đối với đề tài Đột xuất/ Tiềm năng quy định tại Khoản 1 Điều 3 và Khoản 1 Điều 4 Thông tư này;

2. Tính mới, tính sáng tạo, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài;

3. Mức độ rõ ràng, khoa học của mục tiêu đề tài;

4. Sự phù hợp của nội dung, phương pháp và kế hoạch nghiên cứu để đạt được mục tiêu đề tài;

5. Dự toán kinh phí hợp lý;

6. Khả năng ứng dụng và phương án chuyển giao kết quả nghiên cứu của đề tài;

7. Năng lực, kinh nghiệm nghiên cứu của chủ nhiệm đề tài và nhóm nghiên cứu; cơ sở vật chất - kỹ thuật của tổ chức chủ trì phục vụ nghiên cứu.”

11. Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 12. Thẩm định, phê duyệt và công bố danh mục đề tài được tài trợ**

1. Cơ quan điều hành Quỹ tổ chức thẩm định nội dung thuyết minh và dự toán kinh phí của đề tài được Hội đồng khoa học đề nghị tài trợ theo quy định của Quỹ.

Cơ quan điều hành Quỹ lập báo cáo kết quả đánh giá xét chọn đề tài, nhận xét về sự phù hợp của quá trình đánh giá xét chọn, thẩm định và trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

2. Căn cứ báo cáo của Cơ quan điều hành Quỹ về kết quả đánh giá xét chọn, thẩm định đề tài và khả năng tài chính của Quỹ, Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định phê duyệt danh mục kinh phí các đề tài được Quỹ tài trợ. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ lấy thêm ý kiến của chuyên gia đánh giá độc lập trước khi quyết định.

3. Quỹ công bố danh mục các đề tài được tài trợ trên Cổng thông tin điện tử theo thời hạn được quy định tại Khoản 2 Điều 11 Thông tư này.”

12. Bãi bỏ Điều 13.

13. Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 14. Hợp đồng nghiên cứu khoa học**

1. Cơ quan điều hành Quỹ gửi Thông báo tài trợ, hướng dẫn các thủ tục cần thiết đến tổ chức, cá nhân được nhận tài trợ để hoàn thiện thuyết minh đề tài theo nội dung và kinh phí được phê duyệt; tiến hành trao đổi, thống nhất, ký hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (sau đây gọi là hợp đồng) với chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì theo danh mục kinh phí đã được Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt (Mẫu NAFOSTED05) quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan điều hành Quỹ tổ chức kiểm tra thực tế đối với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài trước khi ký kết hợp đồng.

2. Trong thời gian 03 (ba) tháng kể từ thời điểm Quỹ gửi Thông báo tài trợ, nếu chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì không hoàn thiện hợp đồng, Cơ quan điều hành Quỹ đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định hủy bỏ việc tài trợ đối với đề tài.

3. Hợp đồng là căn cứ pháp lý trong quá trình thực hiện, kiểm tra, đánh giá đề tài và giải quyết các vấn đề liên quan đến đề tài. Thuyết minh đề tài sau khi được phê duyệt và các văn bản điều chỉnh trong quá trình thực hiện (nếu có) là bộ phận không tách rời của hợp đồng.

4. Cơ quan điều hành Quỹ tiến hành thanh lý hợp đồng với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài theo quy định.”

14. Bổ sung điều 15a như sau:

“**Điều 15a. Điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ**

1. Điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo quy định từ Điều 14 đến Điều 22 Thông tư số 15/2016/TT-BKHCN ngày 30/06/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý đề tài nghiên cứu ứng dụng do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ và các thông tư sửa đổi, bổ sung.

2. Tổ chức, cá nhân được thay thế đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 9 Thông tư này.”

15. Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**Điều 15. Báo cáo và kiểm tra định kỳ**

“1. Căn cứ tiến độ, nội dung nghiên cứu ghi trong hợp đồng, chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì lập Báo cáo định kỳ tình hình thực hiện đề tài, tình hình sử dụng kinh phí của đề tài theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này (Mẫu NAFOSTED06, Mẫu NAFOSTED07), gửi Cơ quan điều hành Quỹ theo quy định.

2. Giám đốc Cơ quan điều hành Quỹ thành lập Hội đồng đánh giá định kỳ để đánh giá về tiến độ, kết quả thực hiện và tình hình sử dụng kinh phí của đề tài thông qua Báo cáo định kỳ tình hình thực hiện đề tài. Thành phần, phương thức làm việc của Hội đồng đánh giá định kỳ do Hội đồng quản lý Quỹ quy định.

Trong trường hợp đề tài chậm tiến độ hoặc các trường hợp cần thiết khác, Quỹ tổ chức kiểm tra thực tế tình hình thực hiện đề tài. Kết quả kiểm tra được ghi nhận bằng biên bản có xác nhận của các bên liên quan.

3. Kết quả đánh giá định kỳ và kết quả kiểm tra thực tế tình hình thực hiện đề tài (nếu có) được thông báo tới chủ nhiệm đề tài và là căn cứ để quyết định việc tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Đối với đề tài vi phạm các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, Quỹ xem xét mức độ vi phạm để xử lý theo quy định hiện hành.”

16. Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 16. Hồ sơ đánh giá kết quả đề tài**

1. Quỹ tổ chức đánh giá kết quả đề tài thông qua Hội đồng khoa học quy định tại Điều 6 của Thông tư này.

2. Hồ sơ đánh giá kết quả đề tài bao gồm:

a) Hợp đồng;

b) Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề tài (Mẫu NAFOSTED08, báo cáo tình hình sử dụng kinh phí đề tài (Mẫu NAFOSTED07) (kèm theo các minh chứng về sản phẩm công bố và đào tạo);

d) Văn bản liên quan đến việc tổ chức thực hiện đề tài (nếu có);

đ) Tài liệu về kết quả đo đạc, kiểm định, đánh giá các sản phẩm của đề tài do các tổ chức có thẩm quyền thực hiện (nếu có);

e) Các văn bản xác nhận và tài liệu liên quan đến việc công bố, xuất bản, tiếp nhận và sử dụng kết quả nghiên cứu của đề tài (nếu có);

g) Bản vẽ thiết kế (đối với sản phẩm là máy, thiết bị…), các số liệu điều tra, khảo sát gốc, sổ nhật ký hoặc sổ số liệu gốc của đề tài (nếu có).

4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm kết thúc gia hạn hợp đồng, tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài có trách nhiệm nộp hồ sơ đánh giá kết quả đề tài tới Quỹ.”

17. Điều 17 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 17. Đánh giá kết quả đề tài**

1. Quỹ tổ chức đánh giá kết quả đề tài thông qua Hội đồng khoa học quy định tại Điều 6 của Thông tư này.

2. Nội dung đánh giá kết quả đề tài

a) Việc tổ chức thực hiện và việc sử dụng kinh phí đề tài.

b) Kết quả khoa học đạt được trong thời gian thực hiện đề tài được thể hiện trong báo cáo tổng hợp (giải pháp khoa học và công nghệ để giải quyết vấn đề đặt ra, sản phẩm công nghệ mới ở dạng mẫu – nếu có);

c) Kết quả công bố trong thời gian thực hiện đề tài: Bài báo đã được các tạp chí quốc tế có uy tín, tạp chí khoa học khác công bố (trực tuyến hoặc in ấn); Bài báo đã nộp đăng trên các tạp chí quốc tế có uy tín, được tạp chí tiếp nhận và gửi xin ý kiến phản biện; báo cáo khoa học trình bày tại hội nghị, hội thảo khoa học; sách chuyên khảo; bằng độc quyền sáng chế/ bằng bảo hộ giống cây trồng; bằng độc quyền giải pháp hữu ích;

d) Đánh giá về ý nghĩa thực tiễn, khả năng ứng dụng và phương án chuyển giao kết quả nghiên cứu của đề tài;

đ) Mức độ thành công của đề tài khi so sánh kết quả đạt được, sản phẩm khoa học và công nghệ mới ở dạng mẫu (nếu có) với mục tiêu nghiên cứu và kết quả dự kiến đề ra trong thuyết minh;

3. Hội đồng khoa học đề nghị Quỹ thành lập tổ công tác kiểm tra thực tế, khảo sát đánh giá sản phẩm của đề tài (trong trường hợp cần thiết). Tổ công tác thực hiện việc kiểm tra, khảo sát trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có quyết định thành lập.

4. Phương thức làm việc của Hội đồng khoa học tại phiên họp đánh giá kết quả đề tài do Hội đồng quản lý Quỹ quy định.”

18. Bổ sung Điều 18a, Điều 18b như sau:

“**Điều 18a. Quản lý tài sản hình thành của đề tài**

Tài sản hình thành trong quá trình thực hiện đề tài sử dụng nguồn kinh phí tài trợ của Quỹ được quản lý, xử lý theo quy định hiện hành.

**Điều 18b. Trách nhiệm của Quỹ**

Quỹ có trách nhiệm tổ chức đánh giá xét chọn đề tài; tổ chức thực hiện đề tài; đánh giá nghiệm thu, thanh lý đề tài; quản lý, theo dõi việc sử dụng kết quả nghiên cứu của các đề tài và các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.”

19. Sửa đổi Khoản 4 Điều 18 như sau:

“4. Đề tài được đánh giá ở mức không đạt hoặc bị đình chỉ hợp đồng thì được xử lý theo quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ đối với trường hợp nhiệm vụ không hoàn thành. Hội đồng quản lý Quỹ giao Cơ quan điều hành Quỹ thành lập Hội đồng để kiểm tra, xác định nguyên nhân dẫn đến việc không hoàn thành nhiệm vụ. Căn cứ kết quả kiểm tra, Cơ quan điều hành Quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt phương án xử lý.

Trường hợp đề tài không đạt, hoặc chưa có bằng độc quyền sáng chế hoặc bằng bảo hộ giống cây trồng là sản phẩm của đề tài như đăng ký, chủ nhiệm đề tài không được đăng ký chủ trì nghiên cứu đề tài mới trong thời gian 03 (ba) năm kể từ ngày ban hành Quyết định công nhận kết quả thực hiện đề tài.

Trường hợp có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc vi phạm đạo đức khoa học, chủ nhiệm đề tài và những người liên quan không được tham gia đề tài do Quỹ tài trợ trong thời gian năm (05) năm kể từ ngày có quyết định xử lý vi phạm.”

20. Sửa đổi điểm c, khoản 1 Điều 19 như sau:

“c) Tiếp nhận, quản lý sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí được Quỹ tài trợ theo quy định; xác nhận tiến độ thực hiện và tình hình sử dụng kinh phí đề tài, đảm bảo hồ sơ chứng từ trước Quỹ và các cơ quan chức năng của Nhà nước;”

21. Bổ sung điểm l khoản 1 Điều 19 như sau:

“l) Đảm bảo liêm chính học thuật và đạo đức nghiên cứu trong tổ chức triển khai nghiên cứu.”

22. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

“**Điều 20. Trách nhiệm của chủ nhiệm đề tài**

1. Tổ chức triển khai đề tài theo hợp đồng đã được ký kết và các điều chỉnh được phê duyệt theo quy định.

2. Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ, có hiệu quả theo nội dung của hợp đồng và các điều chỉnh được phê duyệt theo quy định; thực hiện thanh, quyết toán kinh phí đề tài theo quy định.

3. Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện đề tài theo hợp đồng. Thực hiện báo cáo về tình hình nghiên cứu, thực hiện đề tài, sử dụng kinh phí, kết quả đề tài theo quy định của Quỹ.

4. Phối hợp với tổ chức chủ trì đề tài thực hiện đăng ký, giao nộp kết quả nghiên cứu đề tài tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia theo quy định.

5. Chủ nhiệm đề tài và các thành viên nghiên cứu chịu trách nhiệm về nội dung công bố kết quả nghiên cứu của đề tài theo pháp luật về khoa học và công nghệ, xuất bản, sở hữu trí tuệ, đảm bảo liêm chính học thuật và đạo đức nghiên cứu và các quy định khác của pháp luật Việt Nam;

6. Giới thiệu công khai trong tổ chức chủ trì các thông tin cập nhật về đề tài được Quỹ tài trợ, gồm tên đề tài, tổng kinh phí, thời gian thực hiện, chủ nhiệm và các thành viên đề tài, các kết quả nghiên cứu của đề tài trong suốt thời gian thực hiện đề tài (Mẫu NAFOSTED 10).”

22. Thay thế các Biểu mẫu ĐXTN-02, ĐXTN-03, ĐXTN-06, ĐXTN-09, ĐXTN-10, ĐXTN-12 quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BKHCN ngày 18 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Khoa học và Công nghệ được sửa đổi, bổ sung bằng các Biểu mẫu ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư này; bãi bỏ các Biểu mẫu ĐXTN-01, ĐXTN-04, ĐXTN-05, ĐXTN-07, ĐXTN-08, ĐXTN-11.

**Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2015/TT-BKHCN ngày ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia hỗ trợ**

1. Sửa Khoản 4, bổ sung Khoản 10, 11 Điều 1 như sau:

“4. Tổ chức hội thảo khoa học quốc tế chuyên ngành ở Việt Nam và các hội thảo nghiên cứu cơ bản chuyên ngành trong nước (theo chuỗi hội thảo hằng năm hoặc cách năm).”

“10. Nhà khoa học xuất sắc nước ngoài đến Việt Nam trao đổi học thuật ngắn hạn.

11. Nâng cao năng lực tổ chức nghiên cứu cơ bản đạt trình độ khu vực và thế giới.”

2. Khoản 1, Khoản 4 Điều 3 được sửa đổi như sau:

“1. Hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế là hoạt động được tổ chức theo hình thức gặp gỡ trực tiếp hoặc trực tuyến để cho các nhà khoa học có quốc tịch khác nhau, làm việc tại các quốc gia khác nhau trình bày và thảo luận về các kết quả nghiên cứu chuyên sâu ở một hoặc nhiều chủ đề hay chuyên ngành khoa học.”

“4. Tạp chí quốc tế có uy tín là các tạp chí khoa học được xác định theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ về quản lý đề tài nghiên cứu cơ bản do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ.”

3. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 5. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Đảm bảo tính khách quan, dân chủ, bình đẳng trong việc xét duyệt các đăng ký hỗ trợ; công khai chương trình và thủ tục hỗ trợ trên cổng thông tin điện tử của Quỹ; đánh giá chỉ dựa trên hồ sơ.

2. Hỗ trợ các hoạt động có chất lượng cao theo chuẩn mực quốc tế trong nghiên cứu khoa học.

3. Hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ kinh phí đề thực hiện các hoạt động nêu tại Điều 1 Thông tư này và không trùng lặp với các nguồn tài trợ khác sử dụng ngân sách nhà nước.”

4. Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 6. Tham dự và báo cáo kết quả nghiên cứu tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế ở nước ngoài**

Quỹ xem xét, hỗ trợ nhà khoa học trẻ tham gia hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế, nhà khoa học tham dự và báo cáo công trình nghiên cứu khoa học xuất sắc tại hội thảo khoa học quốc tế chuyên ngành.

1. Điều kiện xem xét hỗ trợ:

a) Đối với nhà khoa học trẻ đề nghị hỗ trợ tham gia hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế: Không quá 35 tuổi tại thời điểm khai mạc hội nghị, hội thảo, có báo cáo được chấp nhận trình bày (dưới dạng oral presentation) tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế do các tổ chức có uy tín trong lĩnh vực tổ chức. Hội nghị, hội thảo phải có các nhà khoa học có kết quả nghiên cứu công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín trong lĩnh vực tham dự và trình bày báo cáo, có trang tin điện tử để đưa tin, giới thiệu;

b) Đối với nhà khoa học đề nghị hỗ trợ tham dự và báo cáo công trình nghiên cứu khoa học xuất sắc tại hội thảo khoa học quốc tế chuyên ngành: Có công trình nghiên cứu khoa học xuất sắc, được chấp nhận trình bày (dưới dạng oral presentation) tại hội thảo khoa học quốc tế chuyên ngành. Hội thảo phải được tổ chức định kỳ bởi các tổ chức uy tín trong lĩnh vực, có các nhà khoa học, người quản lý có uy tín hàng đầu trong lĩnh vực tham dự và trình bày báo cáo, có trang tin điện tử để đưa tin, giới thiệu.

c) Nhà khoa học đề nghị hỗ trợ cần kê khai các nội dung trong công bố có liên quan đến các vấn đề đạo đức, an ninh, chính trị, chủ quyền, bí mật Nhà nước (nếu có) và cam kết công bố không vi phạm hoặc gây ảnh hưởng tiêu cực đến các vấn đề này.”

2. Tiêu chí xem xét hỗ trợ:

a) Chất lượng hội nghị, hội thảo: đánh giá trên việc tổ chức hội nghị, hội thảo (đơn vị tổ chức, ban tổ chức, ban chương trình, nhà khoa học tham gia), uy tín của hội nghị, hội thảo (chất lượng các lần tổ chức hội nghị, hội thảo trước đó, chỉ số ảnh hưởng – nếu có);

b) Thành tích nghiên cứu của người đề nghị tài trợ;

c) Dự toán kinh phí hợp lý.

3. Nội dung hỗ trợ:

“a) Quỹ hỗ trợ cá nhân nhà khoa học công tác phí và phí tham dự hội nghị, hội thảo quốc tế trong thời gian tham gia thực tế không quá 06 ngày chưa kể thời gian đi đường, thời gian quá cảnh theo quy định.

b) Thời gian giữa hai lần hỗ trợ liên tiếp của Quỹ đối với một nhà khoa học tham dự hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế không dưới 24 tháng (tính theo các thời điểm khai mạc hội nghị, hội thảo). Đối với nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập, thời gian giữa hai lần hỗ trợ liên tiếp của Quỹ không dưới 12 tháng.

4. Hồ sơ đăng ký bao gồm:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ có xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi công tác, học tập theo Mẫu NCNLQG 01 quy định tại Phụ lục của Thông tư này;

b) Thư mời trình bày báo cáo khoa học tại hội nghị, hội thảo;

c) Báo cáo khoa học sẽ trình bày tại hội nghị, hội thảo;

d) Lý lịch khoa học của người nộp đơn đề nghị hỗ trợ theo Mẫu NCNLQG 02 quy định tại Phụ lục của Thông tư này;

đ) Các tài liệu chứng minh là nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập (nếu có);

e) Dự toán kinh phí đề nghị Quỹ hỗ trợ, trong đó nêu rõ các khoản chi phí được ban tổ chức hội nghị, hội thảo hoặc các tổ chức khác cam kết tài trợ (nếu có) theo Mẫu NCNLQG 03 quy định tại Phụ lục của Thông tư này.

5. Đăng ký đề nghị hỗ trợ:

a) Hồ sơ đăng ký đề nghị hỗ trợ được nộp trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của Quỹ hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia;

b) Thời gian nộp hồ sơ: chậm nhất hai (02) tháng trước ngày khai mạc hội nghị, hội thảo.”

5. Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 7. Nghiên cứu sau tiến sĩ**

1. Điều kiện xem xét hỗ trợ:

Quỹ xem xét, hỗ trợ các nhà khoa học Việt Nam và nước ngoài đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây thực hiện nghiên cứu sau tiến sĩ tại Việt Nam:

a) Có Bằng Tiến sĩ trong thời gian năm (05) năm gần nhất tính đến thời điểm kết thúc nộp hồ sơ;

b) Là tác giả của ít nhất một (01) bài báo đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín trong thời gian năm (05) năm gần nhất tính đến thời điểm kết thúc nộp hồ sơ;

c) Được một nhà khoa học của Việt Nam nhận bảo trợ thực hiện nghiên cứu sau tiến sĩ. Người bảo trợ nghiên cứu sau tiến sĩ phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn: i) Là tác giả chính của ít nhất hai (02) bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín trong thời gian năm (05) năm gần nhất tính đến thời điểm kết thúc nộp hồ sơ; ii) Không là người hướng dẫn nhà khoa học đề nghị hỗ trợ tại bậc đào tạo tiến sĩ; iii) Có kinh nghiệm chủ trì ít nhất 01 nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia hoặc tương đương.

d) Có tổ chức khoa học và công nghệ của Việt Nam (không phải là với đơn vị đào tạo tiến sĩ hoặc đơn vị công tác của nhà khoa học đề nghị hỗ trợ) nhận làm đơn vị chủ trì nghiên cứu sau tiến sĩ. Đơn vị chủ trì phải có đủ điều kiện cơ sở vật chất nguyên vật liệu và các điều kiện liên quan để triển khai nghiên cứu, đồng ý tiếp nhận người đến thực hiện nghiên cứu sau tiến sĩ và đồng ý hỗ trợ, tạo điều kiện để triển khai nghiên cứu.

2. Tiêu chí xem xét hỗ trợ:

a) Chất lượng của thuyết minh đề cương nghiên cứu;

b) Thành tích nghiên cứu của người đề nghị tài trợ;

c) Thành tích nghiên cứu của người bảo trợ; Sự phù hợp chuyên môn và điều kiện cơ sở vật chất của đơn vị chủ trì nghiên cứu.

3. Nội dung hỗ trợ: Quỹ hỗ trợ tiền công lao động khoa học cho nhà khoa học thực hiện nghiên cứu sau tiến sĩ trong thời gian tối đa 24 tháng.

4. Yêu cầu về kết quả thực hiện nghiên cứu sau tiến sĩ:

a) Ít nhất 01 (một) bài báo gửi đăng trên tạp chí quốc tế uy tín, đã được tạp chí chấp nhận gửi phản biện, có nội dung phù hợp với hướng nghiên cứu đã đăng ký do người thực hiện nghiên cứu sau tiến sĩ là tác giả chính;

b) Các kết quả nghiên cứu có ghi nhận sự hỗ trợ của Quỹ.

6. Đăng ký đề nghị hỗ trợ:

a) Hồ sơ đăng ký đề nghị hỗ trợ được nộp trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của Quỹ hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia;

b) Thời gian nộp hồ sơ: Theo kế hoạch tiếp nhận hồ sơ của Quỹ được thông báo trên trang thông tin điện tử, các phương tiện thông tin đại chúng (nếu có).”

6. Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 8. Thực tập, nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài

1. Điều kiện xem xét hỗ trợ:

Quỹ xem xét, hỗ trợ việc thực tập, nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài đối với nhà khoa học đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Được trường đại học/ viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới hoặc nhà khoa học nước ngoài đứng đầu một đơn vị nghiên cứu thuộc trường đại học/ viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới mời thực tập, nghiên cứu;

b) Là tác giả chính của ít nhất một (01) bài báo đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín trong thời gian năm (05) năm gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

c) Thuộc một trong các trường hợp sau:

- Đang thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia hoặc tương đương. Việc thực tập, nghiên cứu nhằm giải quyết các vấn đề nghiên cứu của nhiệm vụ mà điều kiện trong nước không thực hiện được;

- Tham gia chương trình hợp tác giữa Quỹ và các tổ chức nước ngoài nhằm nâng cao năng lực và khả năng hợp tác nghiên cứu giữa nhà khoa học Việt Nam và quốc tế;

- Là nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập, đăng ký thực hiện nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài trong lĩnh vực được Việt Nam ưu tiên phát triển tại thời điểm đăng ký.

2. Tiêu chí xem xét hỗ trợ:

a) Chất lượng của thuyết minh đề cương nghiên cứu;

b) Thành tích nghiên cứu của người đề nghị tài trợ;

c) Thành tích nghiên cứu của nhà khoa học đối tác nước ngoài; sự phù hợp chuyên môn và điều kiện cơ sở vật chất của tổ chức đối tác nước ngoài;

d) Dự toán kinh phí hợp lý.

3. Nội dung hỗ trợ:

a) Quỹ hỗ trợ cá nhân nhà khoa học đi thực tập nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài tối đa 06 tháng tiền thuê phòng nghỉ; tiền ăn và tiêu vặt ở nước đi thực tập nghiên cứu; tiền bảo hiểm chăm sóc sức khỏe trong thời gian ở nước đi thực tập nghiên cứu; chi phí đi lại khứ hồi từ Việt Nam đến đơn vị chủ trì nghiên cứu và ngược lại (lượt đi khi đến đơn vị thực tập nghiên cứu nhập học và lượt về khi kết thúc thực tập nghiên cứu trở về Việt Nam).

b) Thời gian giữa hai lần hỗ trợ liên tiếp của Quỹ đối với một nhà khoa học đi thực tập, hợp tác nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài không dưới 24 tháng (tính từ thời điểm bắt đầu thực tập hợp tác nghiên cứu). Đối với nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập, thời gian giữa hai lần hỗ trợ liên tiếp của Quỹ không dưới 12 tháng.

4. Hồ sơ đăng ký bao gồm:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ có xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi công tác theo Mẫu NCNLQG 06 quy định tại Phụ lục của Thông tư này;

b) Thư giới thiệu của 02 nhà khoa học theo Mẫu NCNLQG 07 quy định tại Phụ lục của Thông tư này. Nhà khoa học viết thư giới thiệu phải cùng chuyên môn với người đề nghị hỗ trợ, có học vị Tiến sĩ và có kết quả nghiên cứu chuyên ngành phù hợp được công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín trong thời gian năm (05) năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

c) Thư mời hợp tác nghiên cứu của tổ chức khoa học và công nghệ đối tác nước ngoài hoặc thư chấp nhận hướng dẫn nghiên cứu của nhà khoa học nước ngoài có cùng chuyên ngành khoa học trong đó nêu rõ địa điểm, thời gian, nội dung thực tập, nghiên cứu và trách nhiệm chi trả các khoản kinh phí liên quan;

d) Thuyết minh đề cương nghiên cứu tại tổ chức khoa học và công nghệ đối tác nước ngoài (làm rõ mục tiêu, ý nghĩa, sự cần thiết của chuyến thực tập nghiên cứu, nội dung, phương pháp, kế hoạch nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được) được nhà khoa học đối tác nước ngoài chấp thuận;

đ) Lý lịch khoa học của người nộp đơn đề nghị hỗ trợ theo Mẫu NCNLQG 02 quy định tại Phụ lục của Thông tư này;

e) Các tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này;

g) Dự toán kinh phí đề nghị Quỹ hỗ trợ, trong đó nêu rõ các khoản chi phí được phía nước ngoài cam kết tài trợ (nếu có) theo Mẫu NCNLQG 08 quy định tại Phụ lục của Thông tư này.

5. Đăng ký đề nghị hỗ trợ:

a) Hồ sơ đăng ký đề nghị hỗ trợ được nộp trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của Quỹ hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia;

b) Thời gian nộp hồ sơ: chậm nhất là ba (03) tháng trước ngày dự kiến bắt đầu thực hiện nghiên cứu ở nước ngoài.”

7. Bổ sung Điểm e Khoản 1, sửa đổi Khoản 3 và Điểm a Khoản 5 Điều 9 như sau:

“1.e) Đơn vị tổ chức hội thảo kê khai các nội dung trong hội thảo có liên quan đến các vấn đề đạo đức, an ninh, chính trị, chủ quyền, bí mật Nhà nước (nếu có) và cam kết không vi phạm hoặc gây ảnh hưởng tiêu cực đến các vấn đề này.”

“3. Nội dung hỗ trợ:

Quỹ hỗ trợ chi thuê chỗ ở, tiền ăn hàng ngày, chi phí đi lại (ở Việt Nam) của chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài được mời tham dự và trình bày báo cáo tại hội thảo (không quá 10 người).”

“5.a) Hồ sơ đăng ký đề nghị hỗ trợ được nộp trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của Quỹ hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia;”

8. Bổ sung Điều 9a:

“Điều 9a. Hỗ trợ tổ chức hội thảo nghiên cứu cơ bản chuyên ngành trong nước

1. Điều kiện xem xét hỗ trợ:

Quỹ xem xét, hỗ trợ tổ chức hội thảo khoa học nghiên cứu cơ bản chuyên ngành ở Việt Nam đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Hội thảo khoa học chuyên ngành được tổ chức bởi các tổ chức có uy tín trong lĩnh vực, có trang tin điện tử giới thiệu về hội thảo;

b) Có các nhà khoa học trong nước có kết quả nghiên cứu công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín trong lĩnh vực đăng ký tham dự và trình bày báo khoa học tại hội thảo;

c) Được các cơ quan khoa học và công nghệ và các tổ chức nghề nghiệp uy tín trong lĩnh vực bảo trợ;

d) Phù hợp với lĩnh vực hoạt động của đơn vị tổ chức.

e) Thuộc chuỗi hội thảo thường niên hoặc cách năm.

2. Tiêu chí xem xét hỗ trợ:

a) Chất lượng hội thảo: đánh giá dựa trên việc tổ chức hội thảo (đơn vị tổ chức, ban tổ chức, ban chương trình, nhà khoa học tham gia), uy tín của hội thảo (chất lượng các lần tổ chức hội thảo trước đó);

b) Ý nghĩa của hội thảo đối với lĩnh vực nghiên cứu tại Việt Nam;

c) Thành tích nghiên cứu của các nhà khoa học tham gia hội thảo;

d) Dự toán kinh phí hợp lý.

3. Nội dung hỗ trợ:

Quỹ hỗ trợ chi thuê chỗ ở, tiền ăn hàng ngày, chi phí đi lại (ở Việt Nam) của chuyên gia, nhà khoa học Việt Nam và nước ngoài được mời tham dự và trình bày báo cáo tại hội thảo (không quá 10 người)”

4. Hồ sơ đăng ký bao gồm:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ của cơ quan, tổ chức chủ trì theo Mẫu NCNLQG 09 quy định tại Phụ lục của Thông tư này;

b) Quyết định cho phép tổ chức hội thảo của cấp có thẩm quyền;

c) Dự toán kinh phí tổ chức hội thảo, trong đó có dự toán chi tiết chi phí đề nghị Quỹ hỗ trợ theo Mẫu NCNLQG 10 quy định tại Phụ lục của Thông tư này;

d) Danh sách các nhà khoa học đăng ký tham gia hội thảo;

đ) Lý lịch khoa học và báo cáo khoa học của các nhà khoa học đề nghị Quỹ hỗ trợ kinh phí tham gia hội thảo.

5. Đăng ký đề nghị hỗ trợ:

a) Hồ sơ đăng ký đề nghị hỗ trợ được nộp trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của Quỹ hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia;

b) Thời gian nộp hồ sơ: chậm nhất là ba (03) tháng trước ngày khai mạc hội thảo.”

9. Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 10. Công bố công trình khoa học công nghệ trong nước và quốc tế**

1. Điều kiện xem xét hỗ trợ:

Công trình khoa học được Quỹ xem xét, hỗ trợ công bố cần đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Là kết quả của nghiên cứu do nhà khoa học Việt Nam chủ trì và được thực hiện tại Việt Nam;

b) Đã được công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín;

d) Người đăng ký hỗ trợ là tác giả chính của công trình;

e) Người đăng ký hỗ trợ kê khai các nội dung trong công bố có liên quan đến các vấn đề đạo đức, an ninh, chính trị, chủ quyền, bí mật Nhà nước (nếu có) và cam kết không vi phạm hoặc gây ảnh hưởng tiêu cực đến các vấn đề này.

2. Tiêu chí xem xét hỗ trợ:

Chất lượng, ý nghĩa của công trình đề nghị hỗ trợ công bố; chất lượng của tạp chí đăng tải công trình khoa học.

3. Nội dung hỗ trợ: Quỹ hỗ trợ phí đăng tải kết quả nghiên cứu.

4. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ theo Mẫu NCNLQG 11 quy định tại Phụ lục của Thông tư này;

b) Lý lịch khoa học của tác giả theo Mẫu NCNLQG 02 quy định tại Phụ lục của Thông tư này;

c) Các tài liệu chứng minh tác giả là nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập (nếu có);

d) Bản sao công trình khoa học đã công bố;

đ) Các chứng từ hợp pháp chi trả phí công bố công trình khoa học.

5. Đăng ký đề nghị hỗ trợ:

a) Hồ sơ đăng ký đề nghị hỗ trợ được nộp trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của Quỹ hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia;

b) Thời gian nộp hồ sơ: tối đa sáu (06) tháng tính từ thời điểm công bố được ghi trên công trình.”

10. Điểm a khoản 5 Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Hồ sơ đăng ký đề nghị hỗ trợ được nộp trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của Quỹ hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia;”

11. Điểm a khoản 5 Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“5. a) Hồ sơ đăng ký đề nghị hỗ trợ được nộp trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của Quỹ hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia;”

12. Điểm a khoản 5 Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Hồ sơ đăng ký đề nghị hỗ trợ được nộp trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của Quỹ hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia;”

13. Điểm a khoản 1 Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Đối với cá nhân: Có kết quả nghiên cứu từ các đề tài, nhiệm vụ do Quỹ tài trợ, hỗ trợ được công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín hoặc được cơ quan có thẩm quyền cấp bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ với sáng chế và giống cây trồng, được Hội đồng Khoa học ngành/ liên ngành của Quỹ giới thiệu, đề nghị Quỹ khen thưởng và đồng ý tham gia hoạt động khen thưởng của Quỹ;”

14. Bổ sung Điều 15a và 15b:

“**Điều 15a. Nhà khoa học xuất sắc nước ngoài đến Việt Nam trao đổi học thuật ngắn hạn**

Quỹ thực hiện hỗ trợ nhà khoa học xuất sắc nước ngoài đến Việt Nam trao đổi học thuật ngắn hạn thông qua nội dung tiếp chuyên gia nước ngoài đến Việt Nam làm việc, hợp tác nghiên cứu liên quan đến nội dung đề tài nghiên cứu cơ bản do Quỹ tài trợ.Điều 15b. Nâng cao năng lực tổ chức nghiên cứu cơ bản đạt trình độ khu vực và thế giới

**Điều 15b. Nâng cao năng lực tổ chức nghiên cứu cơ bản đạt trình độ khu vực và thế giới**

1. Hằng năm, Quỹ tổ chức xác định các tổ chức nghiên cứu cơ bản của Việt Nam có tiềm năng đạt trình độ khu vực và thế giới và lựa chọn một số tổ chức để tiến hành hỗ trợ.

2. Quỹ hỗ trợ nâng cao năng lực cho các tổ chức được lựa chọn tại Khoản 1 Điều này theo các nội dung sau:

a) Nâng cao tỷ lệ cán bộ nghiên cứu có học vị tiến sĩ;

b) Nâng cao năng suất công bố khoa học của cán bộ nghiên cứu toàn thời gian;

c) Thúc đẩy hợp tác quốc tế trong nghiên cứu cơ bản.

3. Hình thức hỗ trợ: Quỹ ưu tiên tài trợ đề tài nghiên cứu cơ bản và ưu tiên hỗ trợ các hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia nêu tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 10 Điều 1 Thông tư này cho các tổ chức được hỗ trợ.”

15. Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 15. Xét duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ**

1. Căn cứ các quy định trong Thông tư này, sau khi nhận được hồ sơ đề nghị hỗ trợ của tổ chức, cá nhân gửi tới Quỹ, Cơ quan điều hành Quỹ tổ chức xem xét, thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ. Cơ quan điều hành Quỹ không xem xét các hồ sơ không đầy đủ hoặc không đáp ứng quy định về thời hạn nộp hồ sơ hoặc thuộc các trường hợp nêu tại Khoản 2 Điều 16 Thông tư này.

a) Đối với các trường hợp sau đây, nếu hồ sơ đăng ký đầy đủ và hợp lệ, Cơ quan điều hành Quỹ lấy ý kiến nhận xét phản biện của ít nhất hai (02) chuyên gia đánh giá:

- Thực tập nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài;

- Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước và nước ngoài đối với sáng chế và giống cây trồng;

- Hỗ trợ nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập được sử dụng các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia và các phòng thí nghiệm khác.

b) Đối với các trường hợp sau đây, nếu hồ sơ đăng ký đầy đủ và hợp lệ, Cơ quan điều hành Quỹ tiến hành xem xét và thẩm định hồ sơ thông qua các Hội đồng khoa học ngành/ liên ngành/ liên lĩnh vực của Quỹ và chuyên gia phản biện:

- Nghiên cứu sau tiến sĩ;

- Nâng cao chất lượng, chuẩn mực của tạp chí khoa học và công nghệ trong nước;

- Khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng, hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ, hỗ trợ;

c) Quỹ ưu tiên hỗ trợ nhà khoa học trẻ tài năng, nhà khoa học đoạt giải thưởng Tạ Quang Bửu, nhà khoa học có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng, hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ, hỗ trợ được Quỹ khen thưởng.

2. Hồ sơ đáp ứng đầy đủ các quy định của Quỹ, được ít nhất 2/3 số chuyên gia đánh giá và được Hội đồng khoa học đề nghị hỗ trợ (trong trường hợp đánh giá thông qua chuyên gia/ Hội đồng khoa học) được Cơ quan điều hành Quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định hỗ trợ. Trường hợp cần thiết, Hội đồng Quản lý Quỹ lấy thêm ý kiến của chuyên gia đánh giá độc lập trước khi quyết định.

3. Sau khi Hội đồng quản lý Quỹ quyết định đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ, Cơ quan điều hành Quỹ thông báo kết quả trực tiếp cho cá nhân, tổ chức có hồ sơ được chấp nhận hỗ trợ. Quỹ không trả lại hồ sơ đăng ký đối với các trường hợp không được chấp nhận hỗ trợ.

4. Thời gian xử lý và thông báo kết quả xem xét hồ sơ đề nghị hỗ trợ của Quỹ tối đa là:

- Ba mươi (30) ngày làm việc kể từ khi Quỹ nhận được hồ sơ đăng ký đối với các hồ sơ không yêu cầu đánh giá thông qua chuyên gia phản biện và Hội đồng khoa học.

- Hai (02) tháng đối với các hồ sơ có yêu cầu đánh giá thông qua chuyên gia phản biện.

- Ba (03) tháng đối với các hồ sơ có yêu cầu đánh giá thông qua chuyên gia phản biện và Hội đồng khoa học.

5. Việc xem xét hỗ trợ nghiên cứu sau tiến sĩ; khen thưởng tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ, hỗ trợ; xác định các tổ chức nghiên cứu cơ bản của Việt Nam có tiềm năng đạt trình độ khu vực và thế giới sẽ được thực hiện định kỳ mỗi năm một lần. Quỹ thông báo kết quả cho tổ chức, cá nhân được Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt hỗ trợ, khen thưởng; tổ chức trao thưởng và công khai các kết quả khen thưởng trên cổng thông tin điện tử của Quỹ.”

16. Bổ sung Điều 16a:

“Điều 16a. Trách nhiệm của Quỹ

Quỹ có trách nhiệm tổ chức đánh giá xét chọn hồ sơ đề nghị hỗ trợ; quản lý, theo dõi, đánh giá việc thực hiện các hoạt động được hỗ trợ và và các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.”

17. Sửa đổi Điểm đ, bổ sung Điểm e Khoản 1 Điều 16 như sau:

“đ) Chịu trách nhiệm về nội dung công bố theo pháp luật về khoa học và công nghệ, xuất bản, sở hữu trí tuệ đảm bảo liêm chính học thuật và đạo đức nghiên cứu và các quy định khác của pháp luật Việt Nam; ghi nhận sự hỗ trợ của Quỹ trong các kết quả nghiên cứu được công bố (ghi rõ "Nghiên cứu được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED)") trừ trường hợp đề nghị hỗ trợ kinh phí Công bố công trình khoa học công nghệ trong nước và quốc tế.”

**Điều 4. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 15/2016/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý đề tài nghiên cứu ứng dụng do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ**

1. Khoản 1 Điều 2 được sửa đổi như sau:

“1. Khái niệm tạp chí tạp chí quốc tế có uy tín được xác định theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ về quản lý đề tài nghiên cứu cơ bản do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ.”

2. Khoản 3 Điều 3 được sửa đổi như sau:

“3. Việc quản lý kinh phí đề tài thực hiện theo các quy định hiện hành.”

3. Bổ sung khoản 3 Điều 4:

“3. Tham dự hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế ở nước ngoài nhằm trình bày các kết quả của đề tài.”

4. Sửa đổi bổ sung Điều 5 như sau:

“**Điều 5. Chuyên gia đánh giá**

1. Chuyên gia đánh giá là các nhà khoa học, nhà quản lý được Quỹ mời tư vấn trong các hoạt động đánh giá khoa học và công nghệ liên quan đến các chương trình tài trợ, hỗ trợ của Quỹ. Chuyên gia đánh giá phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau đây:

a) Chuyên gia đánh giá là nhà khoa học phải có kết quả nghiên cứu chuyên môn phù hợp được công bố trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín (đối với lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật), trên tạp chí quốc tế có uy tín hoặc sách chuyên khảo (đối với lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn) trong 05 năm gần nhất. Chuyên gia đánh giá là nhà quản lý phải hoạt động trong lĩnh vực hoặc làm việc/công tác liên quan đến vấn đề nghiên cứu, có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm công tác quản lý. Trường hợp đặc biệt do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định;

b) Có điều kiện tham gia công việc tư vấn với trách nhiệm cao, trung thực, khách quan.

2. Chuyên gia đánh giá chịu trách nhiệm về ý kiến tư vấn, đánh giá của mình; giữ bí mật thông tin liên quan công việc tư vấn, đánh giá.

3. Chuyên gia đánh giá không tham gia các hoạt động tư vấn, đánh giá khoa học và công nghệ nếu có quyền, lợi ích hoặc xung đột liên quan hoặc có lý do khác ảnh hưởng đến tính khách quan của kết quả đánh giá.”

5. Điểm a, b khoản 1 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Định hướng hoạt động tài trợ nghiên cứu ứng dụng của Quỹ;

b) Đánh giá khoa học;”

6. Khoản 3 và khoản 4 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Hồ sơ đăng ký thực hiện đề tài bao gồm:

a) Đơn đăng ký đề tài (Mẫu NAFOSTED01);

b) Thuyết minh đề tài (NAFOSTED02);

c) Lý lịch khoa học của chủ nhiệm đề tài và các thành viên (Mẫu NAFOSTED03) và các tài liệu chứng minh thành tích nghiên cứu;

d) Tài liệu liên quan khác nếu tổ chức, cá nhân thấy cần thiết bổ sung làm tăng tính thuyết phục của hồ sơ.

e) Phiếu khai hồ sơ: Mẫu NAFOSTED04;

4. Hồ sơ hợp lệ là hồ sơ được lập theo các biểu mẫu kèm theo Thông tư này và được nộp trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của Quỹ hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia.”

7. Khoản 2, 3, 4 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Đối với chủ nhiệm đề tài:

a) Có chuyên môn phù hợp với nội dung nghiên cứu của đề tài;

b) Có năng lực nghiên cứu đáp ứng yêu cầu của đề tài: có học vị tiến sĩ và có kết quả nghiên cứu chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

- Là tác giả chính của kết quả nghiên cứu được công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín hoặc là tác giả sáng chế, giống cây trồng được cấp văn bằng bảo hộ trong thời gian năm 05 (năm) năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

- Là tác giả chính của kết quả nghiên cứu đã được công bố (bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín, bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, giống cây trồng) trong thời gian 10 (mười) năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ được ứng dụng;

c) Có đủ thời gian để hoàn thành nội dung nghiên cứu của đề tài theo quy định. Trường hợp chủ nhiệm đề tài đi công tác, làm việc tại nước ngoài, tổng thời gian ở nước ngoài không quá 1/3 thời gian thực hiện đề tài.

3. Thành viên nhóm nghiên cứu đề tài phải có trình độ chuyên môn và kỹ năng phù hợp với nội dung nghiên cứu của đề tài, bao gồm:

a) Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học: có học vị tiến sĩ; có kết quả nghiên cứu phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của đề tài được công bố trên các tạp chí quốc tế có uy tín hoặc có bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, giống cây trồng được cấp văn bằng bảo hộ trong thời gian 05 (năm) năm tính đến thời điểm kết thúc nhận hồ sơ;

b) Thành viên có trình độ từ đại học trở lên và có kết quả nghiên cứu phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của đề tài được công bố trên tạp chí quốc gia hoặc quốc tế, bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, giống cây trồng;

c) Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ khác.

4. Tại cùng một thời điểm, mỗi cá nhân được làm chủ nhiệm không quá 01 (một) đề tài do Quỹ tài trợ hoặc đề tài cấp quốc gia và tương đương khác. Trường hợp đặc biệt (cần đảm nhiệm thêm vai trò chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất có ý nghĩa quan trọng về khoa học và thực tiễn), do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.”

8. Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 9. Yêu cầu về thời gian thực hiện và kết quả của đề tài**

1. Thời gian thực hiện đề tài

a) Thời gian thực hiện đề tài bao gồm thời gian đăng ký thực hiện đề tài và thời gian gia hạn thực hiện đề tài nếu có.

b) Thời gian đăng ký thực hiện đề tài không quá 48 tháng.

2. Kết quả của đề tài:

Giải pháp chính trị - kinh tế - xã hội (Cơ sở lý luận, khoa học, dữ liệu); giải pháp khoa học - kỹ thuật có tính ứng dụng cho các đối tượng, mục tiêu cụ thể.

3. Sản phẩm công bố của đề tài: Ít nhất 02 bằng độc quyền sáng chế/bằng bảo hộ giống cây trồng hoặc 02 bài báo quốc tế có uy tín (đối với các lĩnh vực nghiên cứu không có khả năng được cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ) về các kết quả đề tài nêu tại Khoản 2 Điều này.

Trường hợp chưa được cấp bằng độc quyền sáng chế/bằng bảo hộ giống cây trồng thì phải có thông báo chấp nhận đơn và minh chứng về việc tiếp nhận yêu cầu thẩm định nội dung của cơ quan có thẩm quyền cấp bằng độc quyền sáng chế/bằng bảo hộ giống cây trồng.

4. Chủ nhiệm đề tài là tác giả chính, thành viên chính của đề tài là tác giả của các sản phẩm công bố là kết quả của đề tài.

5. Các sản phẩm công bố của đề tài phải ghi nhận tài trợ của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia, tuân thủ các quy định về liêm chính học thuật và đạo đức nghiên cứu. Trường hợp sản phẩm công bố của đề tài ghi nhận tài trợ của các tổ chức khác ngoài Quỹ cần có giải thích chi tiết, cụ thể, rõ ràng và cung cấp đầy đủ minh chứng liên quan phục vụ đánh giá đề tài và nhóm nghiên cứu.”

9. Sửa đổi khoản 3, bãi bỏ khoản 4 Điều 11 như sau:

“3. Trong thời gian 05 (năm) tháng kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ, Quỹ công bố danh mục các đề tài được tài trợ trên Cổng thông tin điện tử.”

10. Khoản 1 Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Cơ quan điều hành Quỹ gửi Thông báo tài trợ, hướng dẫn các thủ tục cần thiết đến tổ chức, cá nhân được nhận tài trợ để hoàn thiện thuyết minh đề tài theo nội dung và kinh phí được phê duyệt; tiến hành trao đổi, thống nhất, ký hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (sau đây gọi là hợp đồng) với chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì theo danh mục kinh phí đã được Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt (Mẫu NAFOSTED05) quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan điều hành Quỹ tổ chức kiểm tra thực tế đối với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài trước khi ký kết hợp đồng.”

11. Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 13. Báo cáo và đánh giá định kỳ**

1. Căn cứ tiến độ, nội dung nghiên cứu ghi trong hợp đồng, chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì lập Báo cáo định kỳ tình hình thực hiện đề tài, tình hình sử dụng kinh phí của đề tài theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này (Mẫu NAFOSTED06, Mẫu NAFOSTED07), gửi Cơ quan điều hành Quỹ theo quy định.

2. Giám đốc Cơ quan điều hành Quỹ thành lập Hội đồng đánh giá định kỳ để đánh giá về tiến độ, kết quả thực hiện và tình hình sử dụng kinh phí của đề tài thông qua Báo cáo định kỳ tình hình thực hiện đề tài. Thành phần, phương thức làm việc của Hội đồng đánh giá định kỳ do Hội đồng quản lý Quỹ quy định.

Trong trường hợp đề tài chậm tiến độ hoặc các trường hợp cần thiết khác, Quỹ tổ chức kiểm tra thực tế tình hình thực hiện đề tài. Kết quả kiểm tra được ghi nhận bằng biên bản có xác nhận của các bên liên quan.

3. Kết quả đánh giá định kỳ và kết quả kiểm tra thực tế tình hình thực hiện đề tài (nếu có) được thông báo tới chủ nhiệm đề tài và là căn cứ để quyết định việc tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Đối với đề tài vi phạm các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, Quỹ xem xét mức độ vi phạm để xử lý theo quy định hiện hành.”

12. Điều 15 được sửa đổi như sau:

“Điều 15. Điều chỉnh kinh phí thực hiện đề tài

Việc điều chỉnh kinh phí thực hiện đề tài (theo phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng và theo phương thức khoán chi từng phần) được thực hiện theo Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định quản lý tài chính của Quỹ và các quy định hiện hành.”

13. Điều 18 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 18. Điều chỉnh nội dung của đề tài**

Chủ nhiệm đề tài, Tổ chức chủ trì đề tài được chủ động điều chỉnh nội dung đề tài và tự chịu trách nhiệm về quyết định điều chỉnh của mình nhưng không làm thay đổi mục tiêu, thời gian, kết quả nghiên cứu và tổng kinh phí thực hiện đề tài.”

14. Điều 19 được sửa đổi như sau:

“**Điều 19. Điều chỉnh thời gian thực hiện đề tài**

1. Trường hợp đề tài không có khả năng hoàn thành đúng thời hạn theo hợp đồng, chậm nhất 60 (sáu mươi) ngày trước khi kết thúc thời hạn thực hiện hợp đồng, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài phải báo cáo bằng văn bản, giải trình lý do và kiến nghị về việc gia hạn thực hiện đề tài gửi Quỹ kèm theo báo cáo tình hình thực hiện đề tài đến thời điểm đề nghị gia hạn thực hiện. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ khi nhận được đề nghị, Quỹ xem xét và có văn bản trả lời về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn thực hiện đề tài. Thời gian gia hạn tối đa là 12 (mười hai) tháng. Trường hợp đặc biệt, do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

2. Trường hợp đề tài đã hoàn thành nội dung công việc, đã triển khai ít nhất 3/4 (ba phần tư) thời gian nghiên cứu và có đủ sản phẩm khoa học theo hợp đồng, chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì gửi văn bản đề nghị và Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề tài (Mẫu NAFOSTED08) quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này để Quỹ xem xét tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện đề tài.”

15. Sửa đổi bổ sung điểm b khoản 1 và bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 20:

“b) Điều chỉnh, bổ sung cá nhân tham gia nghiên cứu: Chủ nhiệm đề tài, tổ chức chủ trì đề tài được chủ động thay đổi cá nhân tham gia nghiên cứu để bảo đảm thực hiện tốt mục tiêu, sản phẩm của đề tài đã được phê duyệt. Việc thay đổi cá nhân tham gia nghiên cứu phải có sự đồng thuận của người được bổ sung và người được thay thế và phải đáp ứng yêu cầu tại Khoản 3 Điều 8 Thông tư này;”

16. Sửa đổi bổ sung Điều 21 như sau:

“**Điều 21. Trình tự, thủ tục điều chỉnh**

1. Đối với các nội dung thuộc thẩm quyền điều chỉnh của Quỹ:

a) Hồ sơ đề nghị điều chỉnh bao gồm: Đơn đề nghị thay đổi nội dung hợp đồng của chủ nhiệm đề tài kèm theo Công văn đề nghị của tổ chức chủ trì đề tài (Mẫu NAFOSTED09) quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; tài liệu khác có liên quan (nếu có);

b) Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ thời điểm nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị điều chỉnh, Quỹ ban hành quyết định điều chỉnh hoặc gửi công văn trả lời tới tổ chức chủ trì đề tài nêu rõ lý do không điều chỉnh;

c) Hội đồng quản lý Quỹ quyết định phương án điều chỉnh đối với các trường hợp điều chỉnh tên, mục tiêu, sản phẩm, tổng kinh phí, tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài;

Đối với các điều chỉnh do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định, Cơ quan điều hành Quỹ, căn cứ vào hồ sơ điều chỉnh, chuẩn bị phương án và trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định;

d) Cơ quan điều hành Quỹ xem xét, quyết định việc điều chỉnh thời gian thực hiện, đoàn ra, kế hoạch đấu thầu mua sắm vật tư, nguyên vật liệu của các đề tài khoán chi từng phần, kinh phí không khoán chi trên cơ sở đảm bảo mục tiêu sản phẩm đề ra và không làm thay đổi tổng kinh phí thực hiện của đề tài;

đ) Các văn bản điều chỉnh (nếu có) là thành phần của Hợp đồng đã ký.

e) Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan điều hành Quỹ lấy ý kiến của chuyên gia độc lập hoặc thành lập Hội đồng tư vấn để đánh giá sự phù hợp của đề nghị điều chỉnh. Kết quả làm việc của chuyên gia độc lập hoặc Hội đồng tư vấn là căn cứ để Quỹ xem xét, xử lý đối với đề nghị điều chỉnh.

2. Đối với các nội dung thuộc thẩm quyền điều chỉnh của tổ chức chủ trì

a) Hồ sơ, trình tự thủ tục điều chỉnh được thực hiện theo quy định nội bộ của tổ chức chủ trì đề tài;

b) Trường hợp không chấp nhận việc thay đổi của chủ nhiệm đề tài, trong thời gian 15 (mười lăm) ngày kể từ khi nhận được văn bản đề nghị điều chỉnh, tổ chức chủ trì phải có ý kiến bằng văn bản gửi chủ nhiệm đề tài nêu rõ lý do không đồng ý điều chỉnh.

c) Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài báo cáo với Quỹ về các nội dung đã điều chỉnh thuộc thẩm quyền của tổ chức chủ trì thông qua các báo cáo định kỳ và báo cáo tổng hợp của đề tài.”

17. Bổ sung khoản 1a Điều 22:

“1a. Trong thời gian kể từ ngày có quyết định phê duyệt danh mục các đề tài được tài trợ đến thời điểm ký hợp đồng thực hiện, Quỹ có quyền hủy bỏ quyết định phê duyệt tài trợ cho đề tài thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Có sự giả mạo, gian lận hoặc khai báo không trung thực trong hồ sơ đăng ký thực hiện đề tài;

b) Vi phạm các yêu cầu đối với tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài;

c) Có sự trùng lặp về kinh phí thực hiện đề tài từ các nguồn khác của ngân sách nhà nước;

d) Chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì không hoàn thiện thuyết minh đề tài và hợp đồng theo yêu cầu.

Tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm đề tài có quyết định bị hủy bỏ phải chịu các hình thức xử lý theo quy định hiện hành.”

18. Sửa đổi bổ sung điểm b khoản 1 Điều 22:

“b) Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài bị đình chỉ thực hiện đề tài theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc vi phạm quy định tại Điểm a, b, c Khoản 1a Điều này;”

19. Sửa đổi bổ sung Điều 23 như sau:

“**Điều 23. Báo cáo và hồ sơ đánh giá kết quả thực hiện đề tài**

1. Báo cáo kết quả thực hiện đề tài, bao gồm:

a) Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề tài;

b) Tài liệu chứng minh về sản phẩm của đề tài là công trình công bố trên tạp chí khoa học, bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích/bằng bảo hộ giống cây trồng và các sản phẩm khoa học khác (nếu có).

2. Hồ sơ đánh giá kết quả thực hiện đề tài bao gồm:

a) Báo cáo kết quả thực hiện đề tài theo quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Hợp đồng (bao gồm thuyết minh đề tài);

c) Các văn bản điều chỉnh trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có).

20. Khoản 1, 4 Điều 24 được sửa đổi như sau:

“1. Chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì có trách nhiệm chuẩn bị báo cáo kết quả thực hiện đề tài và nộp đến Quỹ trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng (bao gồm thời gian gia hạn hợp đồng nếu có). Trường hợp đề tài được hoàn thành sớm hơn so với thời gian quy định tại hợp đồng chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì có thể đề nghị Quỹ tổ chức nghiệm thu trước thời hạn theo quy định tại Khoản 2 Điều 19 Thông tư này.”

“4. Tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện đề tài:

a) Việc tổ chức thực hiện và việc sử dụng kinh phí đề tài;

b) Kết quả khoa học đạt được trong thời gian thực hiện đề tài được thể hiện trong báo cáo tổng hợp;

c) Kết quả công bố trong thời gian thực hiện đề tài: Bài báo đã được các tạp chí quốc tế có uy tín, tạp chí khoa học khác công bố (trực tuyến hoặc in ấn); Bài báo đã nộp đăng trên các tạp chí quốc tế có uy tín, được tạp chí tiếp nhận và gửi xin ý kiến phản biện; báo cáo khoa học trình bày tại hội nghị, hội thảo khoa học; sách chuyên khảo; bằng độc quyền sáng chế/ bằng bảo hộ giống cây trồng; bằng độc quyền giải pháp hữu ích;

d) Đánh giá về ý nghĩa thực tiễn, khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu của đề tài;

đ) Mức độ thành công của đề tài khi so sánh kết quả đạt đượcvới mục tiêu nghiên cứu và kết quả dự kiến đề ra trong thuyết minh.”

21. Khoản 4, 5 Điều 25 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“4. Đề tài được đánh giá ở mức không đạt hoặc bị đình chỉ hợp đồng thì được xử lý theo quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ đối với trường hợp nhiệm vụ không hoàn thành. Hội đồng quản lý Quỹ giao Cơ quan điều hành Quỹ thành lập Hội đồng để kiểm tra, xác định nguyên nhân dẫn đến việc không hoàn thành nhiệm vụ. Căn cứ kết quả kiểm tra, Cơ quan điều hành Quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt phương án xử lý.

5. Trường hợp đề tài không đạt hoặc chưa có bằng độc quyền sáng chế/ bằng bảo hộ giống cây trồng là sản phẩm của đề tài như đăng ký, chủ nhiệm đề tài không được đăng ký chủ trì nghiên cứu đề tài mới trong thời gian 03 (ba) năm kể từ ngày ban hành Quyết định công nhận kết quả thực hiện đề tài.”

22. Điều 27 được sửa đổi như sau:

“**Điều 27. Quản lý, sử dụng tài sản hình thành của đề tài**

Tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện đề tài sử dụng nguồn kinh phí tài trợ của Quỹ được quản lý, sử dụng theo quy định hiện hành.”

23. Sửa điểm c, bổ sung điểm h khoản 1 Điều 29 như sau:

“c) Tiếp nhận, quản lý sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí được Quỹ tài trợ theo đúng quy định; xác nhận tiến độ thực hiện và tình hình sử dụng kinh phí đề tài, bảo đảm hồ sơ chứng từ trước Quỹ và các cơ quan chức năng của Nhà nước;”

“h) Đảm bảo liêm chính học thuật và đạo đức nghiên cứu trong tổ chức triển khai nghiên cứu.”

23. Sửa đổi bổ sung điểm a, b khoản 1 Điều 30 như sau:

“a) Tổ chức triển khai đề tài theo hợp đồng đã được ký kết và các điều chỉnh được phê duyệt theo quy định;

b) Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ, có hiệu quả theo nội dung của hợp đồng và các điều chỉnh được phê duyệt theo quy định; thực hiện thanh, quyết toán kinh phí của đề tài theo đúng các quy định hiện hành;”

24. Bổ sung Khoản 3 Điều 30 như sau:

“3. Chủ nhiệm đề tài và các thành viên nghiên cứu chịu trách nhiệm về nội dung công bố kết quả nghiên cứu của đề tài theo pháp luật về khoa học và công nghệ, xuất bản, sở hữu trí tuệ, đảm bảo liêm chính học thuật và đạo đức nghiên cứu và các quy định khác của pháp luật Việt Nam.”

25. Thay thế các Biểu mẫu NCUD01, NCUD02, NCUD 04, NCUD 05 và NCUD06 quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 15/2016/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ bằng các Biểu mẫu ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

**Điều 5. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày / /20...

2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, sửa đổi bổ sung./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Thủ tướng Chính phủ (để b/c);- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;- Văn phòng Quốc hội;- Văn phòng Chủ tịch nước;- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;- Toà án nhân dân tối cao;- Kiểm toán Nhà nước;- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp); - Công báo; - Lưu: VT, NAFOSTED. | **BỘ TRƯỞNG****Huỳnh Thành Đạt** |